

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

Hình thức đào tạo: Đại học chính quy

(Ban hành theo Quyết định số 1868 /QĐ-ĐHKTQD ngày 12/12/2025
của Giám đốc Đại học Kinh tế Quốc dân)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Đại học Kinh tế Quốc dân (ĐHKTQD)

Tên tiếng Anh: National Economics University (NEU)

2. Mã tuyển sinh: NEU

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 207 đường Giải Phóng, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://neu.edu.vn>; <https://daotao.neu.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0888.128.558 (trong giờ hành chính)

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: <https://neu.edu.vn> ; <https://daotao.neu.edu.vn>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Đại học: <https://neu.edu.vn>

8. Tra cứu và tham khảo các ngành, chương trình đào tạo tuyển sinh:



9. App tuyển sinh "NEU Tuyển sinh"



II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng, điều kiện chung

Đối tượng, điều kiện tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và của ĐHKQTQD, cụ thể như sau:



(1) Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT (TN THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

(2) Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

(3) Đại học có quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh.

(4) Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển, trong khả năng cho phép Đại học xem xét cho theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

1.2. Đối tượng, điều kiện cụ thể cho từng phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển thẳng: thí sinh đáp ứng điều kiện thuộc đối tượng tại mục 3.1 và theo thông báo chi tiết kèm theo Thông tin tuyển sinh năm 2026.

- Xét tuyển theo kết quả điểm thi TN THPT năm 2026: thí sinh có điểm thi TN THPT năm 2026 tại mục 3.2 và đáp ứng ngưỡng đầu vào tại mục 4.

- Xét tuyển kết hợp (XTKH): thí sinh đáp ứng ngưỡng đầu vào và các điều kiện nộp hồ sơ tại mục 3.3.

2. Phạm vi tuyển sinh Đại học tuyển sinh trong cả nước và nước ngoài.

3. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2026, ĐHKQTĐ tuyển sinh theo các phương thức và chỉ tiêu như sau:

TT	Phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu
1	Xét tuyển thẳng	3%
2	Xét tuyển theo kết quả điểm thi TN THPT năm 2026	97%
3	Xét tuyển kết hợp	

3.1. Xét tuyển thẳng áp dụng cho các đối tượng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và theo quy định của ĐHKQTĐ, cụ thể như sau:

➤ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng và TN THPT năm 2026 được xét tuyển thẳng vào ngành/chương trình đào tạo thí sinh đăng ký theo chỉ tiêu phân bổ của ĐHKQTĐ.

➤ Thí sinh đoạt giải nhất trong kỳ thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng và TN THPT năm 2026 được xét tuyển thẳng vào các ngành theo danh mục thông báo của ĐHKQTĐ.

➤ Đối với các thí sinh đối tượng khác theo thông báo cụ thể của ĐHKQTĐ.

3.2. Xét tuyển theo kết quả điểm thi TN THPT năm 2026 áp dụng cho các đối tượng thí sinh có điểm thi TN THPT năm 2026 bao gồm thí sinh liên thông cao đẳng lên đại học chính quy; áp dụng cho tất cả các mã tuyển sinh năm 2026 của ĐHKQTĐ tại mục 4.ĐHKQTĐ sử dụng 04 tổ hợp là A00 (Toán-Lý-Hóa), A01 (Toán-Lý-Anh), D01 (Toán-Văn-Anh), D07 (Toán-Hóa-Anh).

3.3. Xét tuyển kết hợp áp dụng với tất cả các mã tuyển sinh năm 2026 và cho các thí sinh như sau:

(1) Thí sinh có chứng chỉ quốc tế SAT từ 1200 điểm trở lên hoặc ACT từ 26 điểm trở lên được các tổ chức quốc tế cấp từ ngày 01/6/2024 đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển kết hợp vào ĐHCQ năm 2026.

Thí sinh khi dự thi SAT, ACT cần đăng ký mã của Đại học Kinh tế quốc dân như sau: với tổ chức thi SAT là 7793-National Economics University và ACT là 1767-National Economics University. Nếu thí sinh đã dự thi mà chưa đăng ký mã của ĐHKQTĐ thì cần đăng ký lại với tổ chức thi SAT hoặc ACT.

(2) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của ĐHQG Hà Nội (HSA) từ 85 điểm trở lên hoặc đánh giá năng lực của ĐHQG TP HCM (APT) từ 700 điểm trở lên hoặc có điểm thi đánh giá tư duy của ĐH Bách khoa Hà Nội (TSA) từ 60 điểm trở lên hoặc thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 46 hoặc TOEIC (4 kỹ năng: L&R 785, S 160 & W 150) trở lên kết hợp với một trong các điểm thi HSA/APT/TSA nêu trên.

+ Các điểm thi HSA/APT/TSA có thời hạn trong các năm 2024, 2025, 2026

+ Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL iBT/TOEIC được các tổ chức quốc tế cấp từ ngày 01/6/2024 đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển kết hợp vào ĐHCQ năm 2026.

(3) Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 46 hoặc TOEIC (4 kỹ năng: L&R 785, S 160 & W 150) trở lên kết hợp với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của môn Toán và 01 môn khác môn tiếng Anh thuộc các tổ hợp xét tuyển của Đại học (Văn, Lý hoặc Hoá).

Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL iBT/TOEIC được các tổ chức quốc tế cấp từ ngày 01/6/2024 đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển kết hợp vào ĐHCQ năm 2026.

* **Lưu ý:** ĐHKQTĐ không chấp nhận đối với tất cả các chứng chỉ có hình thức thi "Home edition".

Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được quy đổi điểm như sau:

IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (L&R/S/W)	Điểm quy đổi
7.5 - 9.0	102 trở lên	965/190/190 trở lên	10
7.0	94 - 101	945/180/180	9.5
6.5	79 - 93	890/170/170	9.0
6.0	60 - 78	840/160/160	8.5
5.5	46 - 59	785/160/150	8.0

4. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

4.1. Quy đổi ngưỡng đầu vào: Đại học sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT. Ngoài ra, đối với phương thức xét tuyển kết hợp, ngưỡng đầu vào là điều kiện nộp hồ sơ của từng đối tượng trong mỗi nhóm xét tuyển kết hợp.

4.2. Quy đổi điểm trúng tuyển: Đại học sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

5. Ngành/chương trình và chỉ tiêu tuyển sinh

5.1. Chỉ tiêu tuyển sinh: Duy trì ổn định chỉ tiêu như năm 2025 là không quá 9.000 (bao gồm ĐHCQ và Liên thông ĐHCQ).

5.2. Ngành/chương trình

Mã đại học: NEU

TT	Ngành/Chương trình	Mã tuyển sinh
I	Các chương trình học bằng tiếng Việt	
1	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605
2	Kinh doanh quốc tế	7340120
3	Kinh tế quốc tế	7310106
4	Thương mại điện tử	7340122
5	Kinh doanh thương mại	7340121
6	Marketing	7340115
7	Kiểm toán	7340302
8	Kế toán	7340301
9	Tài chính – Ngân hàng	7340201
10	Bảo hiểm	7340204
11	Quản trị nhân lực	7340404
12	Quản trị kinh doanh	7340101
13	Quản trị khách sạn	7810201
14	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103
15	Kinh tế học (ngành Kinh tế)	7310101_1
16	Kinh tế và quản lý đô thị (ngành Kinh tế)	7310101_2
17	Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực (ngành Kinh tế)	7310101_3
18	Kinh tế phát triển	7310105
19	Toán kinh tế	7310108
20	Thống kê kinh tế	7310107
21	Hệ thống thông tin quản lý	7340405
22	Công nghệ thông tin	7480201

TT	Ngành/Chương trình	Mã tuyển sinh
23	Khoa học máy tính	7480101
24	Luật kinh tế	7380107
25	Luật	7380101
26	Khoa học quản lý	7340401
27	Quản lý công	7340403
28	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101
29	Quản lý đất đai	7850103
30	Bất động sản	7340116
31	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850102
32	Kinh tế nông nghiệp	7620115
33	Kinh doanh nông nghiệp	7620114
34	Kinh tế đầu tư	7310104
35	Quản lý dự án	7340409
36	Quan hệ công chúng	7320108
37	Ngôn ngữ Anh	7220201
38	Hệ thống thông tin	7480104
39	An toàn thông tin	7480202
40	Quan hệ lao động	7340408
41	Luật thương mại quốc tế	7380109
II	Các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh	
1	Quản trị kinh doanh (E-BBA) /ngành QTKD	EBBA
2	Quản lý công và Chính sách (E-PMP)/ngành Kinh tế	EPMP
3	Định phí Bảo hiểm & Quản trị rủi ro (Actuary)/ngành Toán kinh tế	EP02
4	Phân tích dữ liệu kinh tế ((EDA) /ngành Toán kinh tế	EP03
5	Kinh doanh số (E-BDB)/ngành QTKD	EP05
6	Phân tích kinh doanh (BA)/ngành QTKD	EP06
7	Quản trị điều hành thông minh (E-SOM) /ngành QTKD	EP07
8	Quản trị chất lượng và Đổi mới (E-MQI)/ngành QTKD	EP08
9	Công nghệ tài chính (BFT)/ngành TC-NH	EP09
10	Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB)/ngành Kế toán	EP04
11	Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB)/ngành Kiểm toán	EP12
12	Kinh tế học tài chính (FE)/ngành Kinh tế	EP13
13	Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh (BBAE)/ngành QTKD	EP01
14	Quản trị khách sạn quốc tế (IHME)/ngành Quản trị khách sạn	EP11

TT	Ngành/Chương trình	Mã tuyển sinh
15	Tài chính và Đầu tư (BFI)/ngành TC-NH	EP10
16	Logistics và Quản lý CCU tích hợp chứng chỉ Logistic quốc tế (LSIC)	EP14
17	Khoa học dữ liệu	EP15
18	Trí tuệ nhân tạo	EP16
19	Kỹ thuật phần mềm	EP17
20	Quản trị giải trí và sự kiện (LAEM)/ngành Du lịch	EP18
III	Các chương trình định hướng ứng dụng POHE	
1	Quản trị khách sạn	POHE1
2	Quản trị lữ hành	POHE2
3	Truyền thông Marketing	POHE3
4	Luật kinh doanh	POHE4
5	Quản trị kinh doanh thương mại	POHE5
6	Quản lý thị trường	POHE6
7	Thẩm định giá	POHE7
IV	Các chương trình tiên tiến	
1	Kế toán	Mã tuyển sinh sẽ được xác định cụ thể sau
2	Kế hoạch tài chính	
3	Quản trị kinh doanh	
4	Tài chính	
5	Kinh doanh quốc tế	
V	Các chương trình chất lượng cao	
1	Kinh tế phát triển	Mã tuyển sinh sẽ được xác định cụ thể sau
2	Ngân hàng	
3	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	
4	Bảo hiểm tích hợp chứng chỉ ANZIIF	
5	Kinh tế Đầu tư	
6	Quản trị nhân lực	
7	Quản trị kinh doanh	
8	Quan hệ công chúng	
9	Tài chính doanh nghiệp	
10	Marketing số	
11	Quản trị Marketing	
12	Quản trị Kinh doanh quốc tế	
13	Kinh tế quốc tế	

TT	Ngành/Chương trình	Mã tuyển sinh
14	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
15	Thương mại điện tử	
16	Kiểm toán tích hợp chứng chỉ ACCA	
VI	Các ngành/chương trình đào tạo mới năm 2026 (dự kiến) (Đại học sẽ công bố trước ngày 15/02/2026)	

6. Các thông tin cần thiết khác

6.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

ĐHKTQD không tổ chức sơ tuyển, không áp dụng thêm tiêu chí phụ trong xét tuyển ngoài các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

6.2. Điểm cộng (theo Quy chế của Bộ GDĐT)

Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30).

6.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo đối với các mã tuyển sinh theo nhóm ngành (sẽ công bố sau)

6.4. Các thông tin khác

+ ĐHKQTĐ xét tuyển (đối với từng thí sinh) theo mức độ ưu tiên từ cao xuống thấp trong các NV đã đăng ký (NV1 là NV ưu tiên cao nhất). Thí sinh được đăng ký không giới hạn nguyện vọng (NV) theo mã ngành/chương trình của Đại học và chỉ trúng tuyển 01 (một) NV có ưu tiên cao hơn và sẽ không được xét các NV có mức độ ưu tiên tiếp theo.

+ ĐHKQTĐ xét tuyển theo mã ngành/chương trình, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự NV giữa các thí sinh.

+ Điểm xét tuyển theo thang 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân.

+ ĐHKQTĐ không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi TN THPT, kỳ thi THPT quốc gia các năm trước để tuyển sinh, không cộng điểm ưu tiên thí sinh có chứng chỉ nghề.

+ Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy gồm: chính quy đại học/hệ chuẩn và liên thông chính quy (cao đẳng – đại học; đại học – đại học/văn bằng 2) được linh hoạt điều chuyển, đảm bảo tổng chỉ tiêu không vượt tổng chỉ tiêu đã đăng ký và công bố.

7. Tổ chức tuyển sinh

- ĐHKQTĐ xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2026 của Bộ GDĐT;

- Hình thức tuyển sinh: trực tuyến/online, cụ thể:

+ Với xét tuyển thẳng và dự bị: Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển trực tuyến/online trên hệ thống của ĐHKQTĐ và theo thông báo chi tiết của ĐHKQTĐ.

+ Với xét tuyển kết hợp: Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển kết hợp trực tuyến/online trên hệ thống của ĐHKQTĐ và trên hệ thống của Bộ GDĐT theo thông báo chi tiết của ĐHKQTĐ và kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

+ Với xét tuyển bằng kết quả thi TN THPT: Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển kết hợp trực tuyến/online trên hệ thống của ĐHKQTĐ và trên hệ thống của Bộ GDĐT theo thông báo chi tiết của ĐHKQTĐ và kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

8. Chính sách ưu tiên

8.1. Chính sách ưu tiên chung

ĐHKQTĐ áp dụng chính sách ưu tiên chung theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và theo đối tượng, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

- Các mức điểm ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}$$

- Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm TN THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

8.2 Xét tuyển thẳng

ĐHKQTĐ Xét tuyển thẳng cho các đối tượng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và theo quy định của ĐHKQTĐ, cụ thể tại mục 2.1.

8.3 Ưu tiên xét tuyển

a) Đối với thí sinh diện được xét tuyển thẳng tại mục 2.1 nếu không sử dụng quyền được tuyển thẳng thì khi và chỉ khi xét tuyển theo phương thức sử dụng (thuần) tổ hợp điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 được cộng điểm ưu tiên xét tuyển vào tổng điểm xét tuyển theo giải thí sinh đạt được, cụ thể là:

- + Giải nhất: được cộng 2,0 (hai) điểm
- + Giải nhì: được cộng 1,5 (một phẩy năm) điểm
- + Giải ba: được cộng 1,0 (một) điểm

Lưu ý:

Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh xét tuyển thẳng không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30)

b) Đối với thí sinh là học sinh đã hoàn thành chương trình dự bị của các Trường dự bị đại học và TN THPT năm 2025 được ưu tiên xét tuyển với mức điểm trúng tuyển thấp hơn không quá 01 (một) điểm so với điểm chuẩn trúng tuyển (quy đổi theo thang 30) của mã ngành/chương trình theo các phương thức xét tuyển tương ứng năm tuyển sinh 2025 hoặc năm 2026 (nếu thí sinh có điểm năm 2026) của ĐHKQTĐ. Điểm xét tuyển của học sinh dự bị bao gồm điểm ưu tiên theo khu vực và ưu tiên theo đối tượng tuyển sinh.

9. Lệ phí xét tuyển

Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT và theo thông báo của ĐHKQTĐ.

10. ĐHKQTĐ thực hiện các cam kết đối với thí sinh

ĐHKQTĐ cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của ĐHKQTĐ.

11. Các nội dung khác

11.1. Thông tin về học phí

Học phí đại học chính quy chương trình chuẩn: theo ngành/chương trình học năm 2026 khoảng từ 20 triệu đồng đến 28 triệu đồng/năm học (dự kiến).

Học phí đại học chính quy các chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, chương trình định hướng ứng dụng (POHE), chương trình đào tạo bằng tiếng Anh: theo ngành/chương trình học năm 2026 khoảng từ 45 triệu đồng đến 70 triệu đồng/năm học (dự kiến).

Lộ trình tăng học phí tối đa 10% cho từng năm và thực hiện theo Nghị định số 238/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

11.2. Thông tin về học bổng

Tổng quỹ học bổng năm 2026 của Đại học là khoảng 30 tỷ đồng, trong đó: Học bổng khuyến khích học tập khoảng 25 tỷ đồng và Học bổng của các doanh nghiệp, tổ chức tài trợ là 5 tỷ đồng (dự kiến).

11.3. Các chương trình trao đổi sinh viên với nước ngoài

ĐH KTQD tiếp tục triển khai các chương trình trao đổi sinh viên với các đại học đối tác tại Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ, Pháp, Đức, Slovakia, Liên bang Nga, Hungary, Hà Lan, Úc, New Zealand, Hoa Kỳ và Canada... theo thời gian ngắn hạn 1 năm học, 1 kỳ học, 1 tháng học, 3 tuần. Đây là cơ hội cho sinh viên, học viên có những trải nghiệm học tập, tìm hiểu văn hóa đời sống và giao lưu với sinh viên các nước trên thế giới.

11.4. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ:

Sinh viên để được xét tốt nghiệp cần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh, cụ thể là:

TT	Ngành/Chương trình đào tạo	Khung NLNNVN	Điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế				
			IELTS	TOEFL iBT	TOEFL ITP	TOEIC	
						Nghe-Đọc	Nói-Viết
1	Ngôn ngữ Anh	Bậc 5	6,5	79			
2	Chương trình tiên tiến	Bậc 5	6,5	79			
3	Chương trình chất lượng cao, POHE và các chương trình học bằng tiếng Anh	Bậc 4	6,0	60	543	730	290
4	Chương trình chính quy chuẩn (học bằng tiếng Việt)	Bậc 4	5,5	46	500	600	270

(Lưu ý: Một số chương trình học bằng tiếng Anh có chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc 5, thí sinh cần xem thêm chi tiết chuẩn đầu ra tiếng Anh của từng chương trình)

11.5. Về điều chuyển linh hoạt chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy

Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy hệ chuẩn được linh hoạt điều chuyển với chỉ tiêu liên thông chính quy (văn bằng hai). Trường hợp tuyển sinh ở đợt/đối tượng/hệ này không đủ thì được điều chuyển cho đợt/đối tượng/hệ khác và ngược lại, đảm bảo không vượt tổng chỉ tiêu đã đăng ký và công bố.

11.6. Về tổ chức biên chế lớp sinh viên

Sau khi trúng tuyển, hoàn thành thủ tục xác nhận nhập học và nhập học, sinh viên được xếp/biên chế vào các lớp sinh viên theo cùng ngành, cùng chương trình đào tạo của khóa học (cùng khóa trúng tuyển). Quy mô tối thiểu mỗi lớp là 30 sinh viên, trường hợp đặc biệt do Giám đốc quyết định.

12. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của ĐHKQTĐ:

Năm 2024: <https://daotao.neu.edu.vn/vi/tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-2024>

Năm 2025: <https://daotao.neu.edu.vn/vi/tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-2025>

Đại học Kinh tế Quốc dân sẽ cập nhật thông tin tuyển sinh trước ngày 15/02/2026 (sau khi Bộ GDĐT ban hành Quy chế và hướng dẫn tuyển sinh năm 2026).

GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS.TS Bùi Huy Nhượng